

# CÁC BIỆN PHÁP CƯỜNG CHẾ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

ThS. TRẦN PHƯƠNG THẢO \*

Theo quy định tại Điều 7 Pháp lệnh thi hành án dân sự (PLTHADS) năm 2004, sau khi hết thời hạn tự nguyện thi hành án do chấp hành viên ấn định, người phải thi hành án mặc dù có điều kiện thi hành án mà vẫn không tự nguyện thi hành thì chấp hành viên có quyền cưỡng chế, bắt buộc người đó phải thi hành bản án, quyết định do toà án tuyên. Ngoài ra, trong trường hợp cần ngăn chặn người phải thi hành án tẩu tán, hủy hoại tài sản hoặc trốn tránh nghĩa vụ thi hành án, chấp hành viên cũng có quyền cưỡng chế người phải thi hành án thi hành nghĩa vụ của mình. Cưỡng chế thi hành án dân sự là một chế định rất quan trọng trong pháp luật thi hành án dân sự Việt Nam nhằm bảo đảm tất cả các bản án, quyết định đã có hiệu lực của toà án phải được thực thi chính xác, đầy đủ trong thực tế. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi xin đề cập một số vấn đề cơ bản của chế định cưỡng chế thi hành án dân sự, đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện hơn nữa chế định rất quan trọng này.

## I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CƯỜNG CHẾ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

### 1. Các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự

Sau khi quyết định phải cưỡng chế thi hành án dân sự đối với người phải thi hành án, chấp hành viên có thể lựa chọn một

hoặc một số biện pháp cưỡng chế theo luật định. Theo quy định tại Điều 37 PLTHADS, chấp hành viên có quyền sử dụng một hoặc một số các biện pháp cưỡng chế sau đây:

- Khấu trừ tài khoản, trừ vào tiền, giấy tờ trị giá của người phải thi hành án;

- Trừ vào thu nhập của người phải thi hành án (như tiền lương, trợ cấp hưu trí và các thu nhập hợp pháp khác...);

- Phong toà tài khoản, tài sản của người phải thi hành án tại ngân hàng, tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước;

- Kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, kể cả tài sản của người phải thi hành án đang do người thứ ba giữ;

- Buộc người phải thi hành án giao nhà, chuyển quyền sử dụng đất hoặc giao vật, tài sản khác;

- Cấm hoặc buộc người phải thi hành án làm hoặc không làm công việc nhất định.

### 2. Nguyên tắc áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự

Xuất phát từ đặc trưng của thi hành án dân sự là việc tổ chức thi hành phần quyết định của toà án về tài sản hoặc một công việc nhất định nên đối tượng của cưỡng chế thi hành án dân sự cũng là tài sản hoặc một

\* Giảng viên Khoa luật dân sự  
Trường Đại học Luật Hà Nội

công việc nhất định. Điều này hoàn toàn khác biệt với đặc trưng của thi hành án hình sự là nhằm hạn chế hoặc tước đoạt đi quyền và lợi ích của người bị kết án. Chính vì vậy cưỡng chế thi hành án hình sự rất cứng rắn và mang tính tuyệt đối còn cưỡng chế thi hành án dân sự thì mang tính mềm dẻo hơn. Điều này thể hiện ở việc pháp luật thi hành án quy định các nguyên tắc áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự.

Theo quy định của Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 2004, sau đó được hướng dẫn tại Nghị định 173/2004/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2004, việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự phải đảm bảo các nguyên tắc chung sau đây:

- Chỉ chấp hành viên mới có thẩm quyền lựa chọn và ra quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế phù hợp;

- Chấp hành viên chỉ được áp dụng các biện pháp cưỡng chế đối với người phải thi hành án khi họ có điều kiện thi hành án, họ đã được chấp hành viên ấn định một khoảng thời gian để tự nguyện thi hành án nhưng đã hết thời hạn tự nguyện họ vẫn không thi hành án;

- Chấp hành viên có quyền sử dụng một hoặc một số biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự đã được pháp luật quy định nhưng phải phù hợp và tương ứng với nghĩa vụ phải thi hành của người phải thi hành án;

- Chấp hành viên không được phép cưỡng chế trong khoảng thời gian từ 22 giờ đến 6 giờ sáng hôm sau, trong các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật lao động, 15 ngày trước và sau tết nguyên đán, trong

các ngày truyền thống đối với các đối tượng chính sách phải thi hành án hoặc vì lý do đặc biệt khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

- Chấp hành viên phải căn cứ vào nội dung bản án, quyết định; tính chất, mức độ của nghĩa vụ phải thi hành, điều kiện của người phải thi hành án; đề nghị của đương sự và tình hình thực tế tại địa phương để áp dụng biện pháp cưỡng chế thích hợp;

- Người bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế phải chịu các chi phí cưỡng chế thi hành án dân sự.

### **3. Thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự**

*a. Đối với biện pháp khấu trừ vào tài khoản, trừ vào tiền, thu hồi giấy tờ có giá của người phải thi hành án.*

Giấy tờ có giá của người phải thi hành án có thể là cổ phiếu, trái phiếu, công trái, thương phiếu kho bạc, tín phiếu ngân hàng nhà nước, kì phiếu, chứng chi tiền gửi và các loại giấy tờ có giá khác do Thống đốc ngân hàng nhà nước quy định còn giá trị thanh toán. Theo quy định tại Điều 39 PLTHADS, biện pháp này được áp dụng theo thủ tục sau:

- Đầu tiên chấp hành viên phải tiến hành xác minh tài sản. Khi tiến hành xác minh, các cơ quan, đơn vị có liên quan này phải cung cấp những số liệu cần thiết về tài sản của người phải thi hành án có trong tài khoản, kho bạc hoặc tổ chức tín dụng;

- Khi đã xác minh rõ người phải thi hành án có tài khoản, tiền, giấy tờ trị giá bằng tiền tại ngân hàng, kho bạc nhà nước

hoặc tại tổ chức tín dụng, chấp hành viên phải ra quyết định khấu trừ. Nếu người phải thi hành án có hành vi tẩu tán tiền trong tài khoản thì chấp hành viên có thể ra quyết định phong tỏa tài khoản, sau đó khấu trừ để thi hành án;

- Khi nhận được quyết định trên của cơ quan thi hành án, các cơ quan liên quan phải thực hiện quyết định phong tỏa, khấu trừ, thanh toán tiền từ tài khoản, tiền, giấy tờ trị giá bằng tiền, để chuyển vào tài khoản của cơ quan thi hành án, trừ trường hợp cần chuyển thẳng cho người được thi hành án theo quyết định của cơ quan thi hành án.

Nếu tài sản của người phải thi hành án đang do một người khác giữ (không phải ngân hàng, kho bạc nhà nước hay tổ chức tín dụng) thì sau khi chấp hành viên xác minh rõ những khoản tiền, giấy tờ có giá đang do người thứ ba giữ là của người phải thi hành án, chấp hành viên sẽ ra quyết định trừ vào tiền hoặc thu hồi giấy tờ có giá. Quyết định này phải được chấp hành viên trực tiếp tổng đạt cho các cá nhân, cơ quan, tổ chức đang giữ tiền, giấy tờ có giá của người phải thi hành án và yêu cầu thủ trưởng các cá nhân, cơ quan, tổ chức thực hiện.

*b. Biện pháp trừ vào thu nhập của người phải thi hành án*

Theo quy định tại Điều 40 PLTHADS, thu nhập của người phải thi hành án được khấu trừ để thi hành án bao gồm tiền lương, trợ cấp hưu trí, trợ cấp mất sức lao động và các thu nhập hợp pháp khác. Các khoản thu nhập này thường không lớn nên chấp hành viên chỉ áp dụng khi thi hành án cấp dưỡng,

thi hành án theo định kì, khoản tiền thi hành án không lớn, tài sản của người phải thi hành án không đủ, do các bên thoả thuận hoặc bản án, quyết định của toà án ấn định biện pháp trừ vào thu nhập của người phải thi hành án. Mức trừ cao nhất vào lương, trợ cấp hưu trí, trợ cấp mất sức lao động là 30% số tiền nhận hàng tháng. Đối với những khoản thu nhập khác thì mức trừ căn cứ vào thu nhập thực tế của người phải thi hành án nhưng phải đảm bảo điều kiện tối thiểu cho người phải thi hành án và những người mà người phải thi hành án có nghĩa vụ nuôi dưỡng. Thủ tục thực hiện quyết định khấu trừ vào thu nhập của người phải thi hành án được quy định tại khoản 3 Điều 40 PLTHADS như sau khi tiến hành xác minh thu nhập của người phải thi hành án, chấp hành viên sẽ ra quyết định trừ. Quyết định này được gửi cho người được thi hành án, người phải thi hành án, cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lí thu nhập của người phải thi hành án. Các chủ thể này phải thực hiện ngay việc khấu trừ, chuyển tiền đã trừ cho người được thi hành án hoặc cho cơ quan thi hành án.

*c. Biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản của người phải thi hành án.*

Trong thực tiễn áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự thì biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản của người phải thi hành án là biện pháp được chấp hành viên sử dụng nhiều nhất. Khi áp dụng biện pháp cưỡng chế này, chấp hành viên phải chú ý một số vấn đề cơ bản sau:

- Về đối tượng tài sản bị cưỡng chế kê

biên: Theo Nghị định 173/2004/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2004 quy định về thủ tục, cưỡng chế và xử phạt vi phạm hành chính trong thi hành án dân sự và hướng dẫn số 404/TP-THA ngày 24 tháng 2 năm 2005 hướng dẫn một số vấn đề về nghiệp vụ thi hành án của Bộ tư pháp, mọi tài sản của người phải thi hành án đều có thể là đối tượng bị cưỡng chế kê biên, từ tài sản riêng đến tài sản thuộc sở hữu chung với người khác, tài sản là động sản hay bất động sản, tài sản là tiền hay là giấy tờ trị giá được bằng tiền, doanh thu, chứng khoán, thậm chí là tài sản đó là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc là tài sản đã được cầm cố thế chấp trước đó (trừ những tài sản không được kê biên theo quy định tại Điều 42 PLTHADS). Trong trường hợp xác định được tài sản của người phải thi hành án đang do người thứ ba giữ hoặc đang nợ tiền của người phải thi hành án (khoản nợ đó đã được xác định bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực của toà án) thì những tài sản đang do người thứ ba giữ này cũng có thể bị kê biên để thi hành án;

- Về thứ tự tài sản của người phải thi hành án bị cưỡng chế kê biên: Người phải thi hành án có quyền thỏa thuận với người được thi hành án về tài sản kê biên để thi hành án. Nếu không thỏa thuận được, người phải thi hành án có quyền đề nghị kê biên tài sản nào trước. Chấp hành viên phải chấp nhận đề nghị của người phải thi hành án nếu như đề nghị đó không cản trở cho công tác thi hành án. Nếu người phải thi hành án không đề nghị kê biên tài sản nào trước thì

tài sản thuộc sở hữu riêng của người phải thi hành án được kê biên trước. Trong trường hợp người phải thi hành án không có tài sản riêng hoặc tài sản riêng không đủ để thi hành án thì chấp hành viên mới được kê biên đến phần tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản thuộc sở hữu chung với người khác. Những tài sản là nhà ở, quyền sử dụng đất, trụ sở của người phải thi hành án chỉ được kê biên sau khi đã kê biên các tài sản khác mà vẫn không đủ để thi hành án;

- Về mức độ kê biên tài sản của người phải thi hành án: Chấp hành viên chỉ được kê biên tài sản của người phải thi hành án đủ để thanh toán các chi phí thi hành án và thi hành nghĩa vụ trong bản án, quyết định. Chấp hành viên cũng có quyền kê biên tài sản của người phải thi hành án trong trường hợp người phải thi hành án chỉ có một tài sản duy nhất có giá trị lớn hơn nghĩa vụ phải thi hành mà tài sản đó không phân chia được hoặc việc phân chia sẽ làm giảm đáng kể giá trị của tài sản;

- Khi kê biên tài sản, nếu có tranh chấp về tài sản kê biên thì chấp hành viên vẫn kê biên tài sản đó, sau đó hướng dẫn cho các bên có tranh chấp khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự. Sau 3 tháng kể từ ngày kê biên mà không có ai khởi kiện ra toà thì tài sản bị kê biên sẽ được xử lý để thi hành nghĩa vụ của người phải thi hành án;

- Về thủ tục kê biên tài sản của người phải thi hành án: Việc kê biên phải đảm bảo các quy định tại PLTHADS, Nghị định 173/2004/NĐ-CP của Chính phủ như khi kê

biên tài sản phải có đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn và người làm chứng khác, các bên liên quan đến kê biên tài sản phải được thông báo trước về thời gian, địa điểm kê biên. Ngoài ra, đối với từng loại tài sản khác nhau như những tài sản phải đăng kí quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc đăng kí giao dịch bảo đảm, tài sản là nhà ở hoặc là đồ vật bị khoá, tài sản là bất động sản, tài sản đang được cầm cố thế chấp, tài sản đang do người thứ ba giữ... thì khi kê biên còn phải đảm bảo cả những thủ tục được quy định riêng cho những tài sản đó;

- Đối với những tài sản không được phép kê biên được quy định tại Điều 42 PLTHADS, chấp hành viên phải xác định chính xác tài sản không được kê biên của cá nhân và tài sản không được phép kê biên của cơ quan, tổ chức đã được hướng dẫn thực hiện tại Nghị định 173/2004/NĐ- CP ngày 30 tháng 9 năm 2004 của chính phủ.

Sau khi kê biên, cơ quan thi hành án phải định giá để xác định giá trị của tài sản kê biên. Việc định giá có thể dựa vào sự thỏa thuận giữa người được thi hành án và người phải thi hành án. Trong trường hợp tài sản kê biên là tài sản sở hữu chung của người phải thi hành án với người khác thì chủ sở hữu chung cũng có quyền tham gia vào việc thỏa thuận định giá. Tuy nhiên thời hạn cho phép các bên thỏa thuận không được quá 5 ngày làm việc kể từ ngày tài sản được kê biên. Nếu không thỏa thuận được, chấp hành viên phải thành lập hội đồng định giá sau 15 ngày kể từ ngày tài sản bị kê biên. Trong thời hạn 7 ngày,

hội đồng định giá phải tiến hành việc định giá. Người được thi hành án có thể nhận tài sản đó để trừ vào số tiền phải thi hành án, nếu không sẽ được bán để trừ vào số tiền phải thi hành án (Điều 47 PLTHADS). Trong trường hợp, tài sản kê biên không bán được thì chấp hành viên sẽ xử lí theo quy định tại Điều 48 PLTHADS.

Thứ tự thanh toán tiền bán tài sản kê biên được xác định theo thứ tự ưu tiên thanh toán là tiền cấp dưỡng; tiền lương, tiền công lao động; tiền bồi thường thiệt hại tính mạng sức khỏe; tiền án phí, lệ phí; tiền phạt, tiền tịch thu; các khoản phải trả khác sau đó còn lại trả cho người được thi hành án... Riêng đối với trường hợp thanh toán tiền bán tài sản cầm cố, thế chấp thì theo quy định tại Điều 52 PLTHADS, đầu tiên phải ưu tiên thanh toán cho nghĩa vụ được bảo đảm sau khi trừ các chi phí về cưỡng chế thi hành án.

*d. Các biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ giao vật, giao nhà và chuyển quyền sử dụng đất*

Vật phải trả theo bản án, quyết định của toà án có thể là vật đặc định hoặc là động sản. Vật phải trả có thể là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình như ti vi, tủ lạnh... máy móc, công cụ lao động; phương tiện giao thông như ô tô, tàu thuyền, xe máy; đồ trang sức; các loại giấy tờ.... Biện pháp giao vật chỉ có thể được thực hiện khi vật phải trả hiện đang còn, do người phải thi hành án chiếm hữu. Quyết định cưỡng chế trả vật phải được thông báo cho các bên đương sự liên quan. Trong trường hợp vật phải trả không còn thì

chấp hành viên hướng dẫn các bên thỏa thuận thanh toán giá trị của vật bằng tiền. Nếu các bên không thỏa thuận được thì chấp hành viên buộc người phải thi hành án trả cho người được thi hành án số tiền tương ứng với giá trị của vật tại thời điểm thi hành án. Nếu vật có giá trị lớn, khó xác định thì chấp hành viên phải lập hội đồng định giá.

Biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ giao nhà được tiến hành theo quy định tại Điều 54 PLTHADS. Chấp hành viên phải xác minh tài sản như thực trạng nhà phải giao hiện đang như thế nào, có đúng như không, người phải thi hành án có chỗ ở nào mới không, nếu có thì chỗ ở mới đó ở đâu, như thế nào... Sau khi ra quyết định cưỡng chế trả nhà, chấp hành viên cần tiến hành thủ tục thông báo cho người phải thi hành án, chính quyền địa phương, các cơ quan tham gia vào việc cưỡng chế. Khi tổ chức cưỡng chế, chấp hành viên phải yêu cầu người phải thi hành án và những người khác có mặt trong nhà ra khỏi nhà đồng thời yêu cầu họ chuyển hết tài sản trong nhà phải ra khỏi nhà. Nếu họ không tự nguyện thực hiện yêu cầu của chấp hành viên thì chấp hành viên yêu cầu lực lượng cưỡng chế kiểm kê tài sản, đưa họ cùng tài sản ra khỏi nhà đến địa điểm mới. Trong trường hợp người phải thi hành án cố tình vắng mặt, từ chối nhận lại tài sản thì chấp hành viên sẽ lập biên bản, ghi rõ số tài sản của người phải thi hành án và giao lại cho tổ chức, cá nhân có điều kiện bảo quản hoặc bảo quản trong kho của cơ quan thi hành án, sau đó thông báo cho người phải thi hành án đến nhận.

*đ. Các biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ buộc làm hoặc không được làm công việc nhất định*

Biện pháp cưỡng chế buộc người phải thi hành án phải làm công việc nhất định được quy định tại Điều 55 PLTHADS. Trong trường hợp người phải thi hành án không thực hiện công việc buộc phải làm theo bản án, quyết định của toà án mà công việc đó có thể giao cho người khác thực hiện thì chấp hành viên giao cho người có điều kiện thực hiện thay. Chi phí thi hành án sẽ do người phải thi hành án chịu. Còn nếu công việc buộc phải làm theo bản án, quyết định của toà án phải do chính người phải thi hành án thực hiện thì chấp hành viên phải thực hiện quy định tại Điều 56 PLTHADS, đó là biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ không làm công việc nhất định. Trong trường hợp này, vì người phải thi hành án không tự nguyện chấm dứt công việc không được làm nên chấp hành viên có thể ra quyết định xử phạt hành chính theo quy định và ấn định cho người phải thi hành án thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt để thực hiện. Nếu vẫn không chấm dứt thực hiện công việc không được làm thì chấp hành viên có quyền đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự.

## II. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ CÁC BIỆN PHÁP CƯỖNG CHẾ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

### 1. Về biện pháp cưỡng chế khấu trừ vào tài khoản, trừ vào tiền, giấy tờ trị giá được bằng tiền của người phải thi hành án

Tiền, tài sản, giấy tờ có giá của người

phải thi hành án cũng có thể được gửi tại trung tâm lưu ký, thanh toán, bù trừ chứng khoán... Khả năng này Điều 37, Điều 39 PLTHADS chưa hề dự liệu đến. Theo chúng tôi trong thời gian tới pháp luật thi hành án dân sự cần phải bổ sung những quy định cụ thể về trường hợp này nhằm đạt được hiệu quả cao nhất trong công tác thi hành án dân sự.

Ngoài ra qua Điều 37 PLTHADS, các nhà làm luật mới chỉ nghĩ đến khả năng người phải thi hành án gửi tiền của mình tại cơ quan, tổ chức nào đấy mà không tính đến khả năng dễ nhìn thấy nhất người phải thi hành án hiện đang giữ tài sản hoặc người phải thi hành án có doanh thu hàng ngày từ hoạt động kinh doanh của họ. Chính vì chưa quy định nên trong thực tiễn áp dụng, khi phát hiện ra người phải thi hành án có tài sản đang do chính họ giữ, chấp hành viên gặp rất nhiều khó khăn như bị người phải thi hành án phản đối không cho cưỡng chế (họ cho rằng chấp hành viên không có cơ sở pháp lý để trừ tiền) hoặc nếu có trừ thì phải tiến hành thủ tục như thế nào? Theo chúng tôi, vì người phải thi hành án bắt buộc phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên khi xác định họ có tiền, tiền do họ đang giữ thì chấp hành viên có quyền thu để trừ vào tiền họ phải thi hành. Tuy nhiên pháp luật cần có những quy định cụ thể về trường hợp này theo hướng nếu phát hiện ra tài sản của người phải thi hành án đang do chính họ giữ thì chấp hành viên phải lập biên bản về hiện trạng, số lượng, giá trị tài sản, sau đó thực hiện việc khấu trừ.

Một vấn đề nữa trong thời gian tới pháp luật cũng cần quy định cụ thể đó là mức khấu trừ vào tài sản của người phải thi hành án đang gửi tại ngân hàng, kho bạc, tổ chức tín dụng..., hiện tại chưa có quy định nào về vấn đề này. Theo nguyên tắc chung, mức khấu trừ phải tương ứng với nghĩa vụ thi hành án của người phải thi hành án. Tuy nhiên trên thực tế, có thể người phải thi hành án có tài sản gửi vào ngân hàng, tổ chức tín dụng... nhưng nguồn lợi thu được từ việc gửi tài sản đó là nguồn sống duy nhất của họ và gia đình họ, ngoài ra họ không có tài sản nào khác và không thể trông chờ vào nguồn sống nào khác. Theo chúng tôi, trong trường hợp này để phù hợp với truyền thống nhân đạo của người Việt Nam, pháp luật thi hành án nên quy định theo hướng khi thực hiện khấu trừ, chấp hành viên có quyền để lại một phần tài sản đủ để đảm bảo cuộc sống tối thiểu của người phải thi hành án và gia đình.

## **2. Về biện pháp trừ vào thu nhập của người phải thi hành án**

Theo quy định tại Điều 40 PLTHADS mức trừ cao nhất vào lương là 30% số tiền nhận được hàng tháng. Quy định này chưa linh hoạt bởi nếu người phải thi hành án có mức thu nhập cao, bản thân họ khi đó cũng muốn trừ ở mức cao hơn chấp hành viên cũng không thể trừ vượt quá 30% thu nhập của họ. Theo chúng tôi nên quy định theo hướng tùy từng trường hợp cụ thể, chấp hành viên sẽ quyết định về mức khấu trừ miễn là đảm bảo cuộc sống tối thiểu cho

người phải thi hành án và những người trong gia đình mà họ đang có nghĩa vụ nuôi dưỡng. Mặt khác, pháp luật thi hành án cũng nên mở rộng phạm vi tiền bị trừ, có thể không chỉ tiền lương mà tiền trợ cấp mất sức, tiền trợ cấp hưu trí cũng có thể bị trừ để thanh toán nghĩa vụ nếu những khoản tiền này có khả năng thi hành án.

### **3. Về biện pháp kê biên tài sản của người phải thi hành án**

Theo quy định tại khoản 5 Điều 41 PLTHADS, khi đang kê biên tài sản của người phải thi hành án mà xảy ra tranh chấp thì chấp hành viên vẫn có quyền tiếp tục kê biên tài sản đó và giải thích cho các bên tranh chấp quyền khởi kiện ra toà theo thủ tục tố tụng dân sự để toà xác định tài sản đó thực sự là của ai. Nhưng nếu người có tranh chấp về tài sản kê biên không tranh chấp với người phải thi hành án về tài sản đó mà họ lại muốn khởi kiện ra toà đòi lại tài sản mà chấp hành viên đã kê biên thì trong trường hợp này, toà án có thụ lý vụ án để giải quyết không? Nếu có thì toà án sẽ xác định tư cách tố tụng của cơ quan thi hành án dân sự như thế nào? Cơ quan thi hành án bị kiện có phải là bị đơn trong tố tụng dân sự không? Theo chúng tôi, trong trường hợp này cần phải quy định theo hướng nếu có tranh chấp về tài sản kê biên thì người có tranh chấp sẽ có quyền khiếu nại và thời gian giải quyết khiếu nại không được quá dài, có như vậy mới phù hợp với thực tiễn áp dụng và bảo vệ được quyền, lợi ích của các bên trong thi hành án dân sự.

Ngoài ra, tài sản bị cưỡng chế kê biên nên được mở rộng thêm như chấp hành viên có quyền kê biên cả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, doanh thu hàng ngày của người phải thi hành án, chứng khoán... Riêng đối với tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì pháp luật thi hành án cần tách riêng quy định chi tiết về thủ tục kê biên và bán đấu giá quyền sử dụng đất. Đối với những tài sản phải thông qua thủ tục đăng kí quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc giao dịch bảo đảm... cũng cần có những quy định cụ thể hơn nữa để chấp hành viên thuận lợi hơn trong việc thực thi nhiệm vụ của mình.

### **4. Về biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ giao vật**

Điều 53 PLTHADS mới chỉ dự liệu về khả năng vật phải trả theo bản án, quyết định của toà án trên thực tế không còn mà chưa tính đến khả năng vật phải trả vẫn còn nhưng bị hư hỏng hoặc bị giảm giá trị thì hướng giải quyết như thế nào? Theo chúng tôi, trong trường hợp này biện pháp phù hợp nhất vẫn là thanh toán cho nhau số tiền tương ứng với giá trị của vật nếu vật đó đã bị hư hỏng hoặc thanh toán giá trị chênh lệch nếu vật đó chỉ bị giảm giá trị. Nhưng đối với cả hai trường hợp vật phải trả không còn hay vật phải trả còn nhưng bị hư hỏng, giảm giá trị thì trước hết yêu cầu người phải thi hành án tìm vật giống như thế để thay thế. Chỉ khi nào không có vật cùng loại hoặc người được thi hành án không chấp nhận có vật khác thay thế thì chấp hành viên mới sử dụng đến biện pháp thanh toán giá trị bằng tiền./.